**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO *Phụ lục 1***

**DANH MỤC VĂN BẢN PHỤC VỤ LẬP DỰ TOÁN**

*(kèm theo Công văn số /BGDĐT-KHCNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Quyết định số 4466/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định một số định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

6. Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

7. Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

8. Các văn bản liên quan khác.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ**

*(kèm theo Công văn số /BGDĐT-KHCNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

| **TT** | **Tên đơn vị**  |
| --- | --- |
| 1 | Đại học Đà Nẵng |
| 2 | Đại học Huế |
| 3 | Đại học Thái Nguyên  |
| 4 | Đại học Bách khoa Hà Nội |
| 5 | Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6 | Trường Đại học Cần Thơ |
| 7 | Trường Đại học Đà Lạt |
| 8 | Trường Đại học Đồng Tháp |
| 9 | Trường Đại học Giao thông Vận tải |
| 10 | Trường Đại học Hà Nội |
| 11 | Trường Đại học Kiên Giang |
| 12 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 13 | Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh |
| 14 | Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| 15 | Trường Đại học Mở Hà Nội |
| 16 | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17 | Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp |
| 18 | Trường Đại học Ngoại thương |
| 19 | Trường Đại học Nha Trang |
| 20 | Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 21 | Trường Đại học Quy Nhơn |
| 22 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 23 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 |
| 24 | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên |
| 25 | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh |
| 26 | Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương |
| 27 | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 28 | Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội |
| 29 | Trường Đại học Tây Bắc |
| 30 | Trường Đại học Tây Nguyên |
| 31 | Trường Đại học Thương mại |
| 32 | Trường Đại học Việt - Đức |
| 33 | Trường Đại học Vinh |
| 34 | Trường Đại học Xây dựng Hà Nội |
| 35 | Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36 | Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương |
| 37 | Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang |
| 38 | Học viện Quản lý Giáo dục |
| 39 | Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam |
| 40 | Viện Nghiên cứu thiết kế trường học |

*(Danh sách gồm 40 đơn vị)*